

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Khánh Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 119/2022/TB-TLVA ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 77/2022/QĐ-TA ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Phan Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

* Về tình cảm: Anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2015 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì anh V đi lao động ở Đài Loan và năm 2017 chị T cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Kể từ thời điểm đó, tuy không còn khoảng cách về mặt địa lý nhưng vợ chồng anh V, chị T sống ly thân, cả hai không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau để vun đắp hạnh phúc nên tình cảm ngày một nhạt phai. Chị T và anh V đều thừa nhận không còn tìm được tiếng nói

chung, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 18/11/2015. Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Lê Văn Anh K cho anh Lê Tuấn V nuôi dưỡng, chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con mà không bị ai ngăn cấm.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác là bà Phạm Thị D, sinh năm 1953, trú tại thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (mẹ ruột anh Lê Tuấn V) đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T. Bà Phạm Thị D có đơn tình nguyện nuôi cháu Lê Văn Anh K trong thời gian anh Lê Tuấn V ở nước ngoài và cam kết chăm sóc cháu tốt, không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng.

Tại phiên họp, anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2003/NĐ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa các đương sự như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao con chung Lê Văn Anh Khoa, sinh ngày 18/11/2015 cho anh Lê Tuấn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh V lao động ở nước ngoài, cháu Khoa sẽ do bà Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con mà không bị ai ngăn cấm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 8835/QLXNC-P5 ngày 06/5/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: “Chị Phan Thị T, sinh ngày 12/4/1995 lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/3/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước”; “Anh Lê Tuấn V, sinh ngày 19/5/1990 lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/3/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước”

Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T ngoài các tài liệu chứng cứ gửi về cho tòa án qua đường bưu chính, đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ trên của anh Lê Tuấn V, chị Phan Thị T đã được anh chị xác nhận là chữ viết và quan điểm của mình thông qua hình thức liên lạc trực tuyến Video call trên ứng dụng Facebook Messenger có sự chứng kiến của mẹ ruột anh V là bà Phạm Thị D.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T lần lượt sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Trong thời gian cả hai đi làm ăn xa, dù cùng làm việc tại Đài Loan nhưng do thiếu sự quan tâm, chia sẻ với mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình nên đời sống hôn nhân của chị T, anh V ngày càng phai nhạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh V và chị T đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận

về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...” (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh V và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Cả hai thống nhất giao con chung là cháu Lê Văn Anh Khoa, sinh ngày 18/11/2015 cho anh Lê Tuấn V nuôi dưỡng, chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con mà không bị ai ngăn cấm.

Anh Lê Tuấn V hiện đang đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp thực hiện việc nuôi con, anh V đã thống nhất nhờ bà Phạm Thị D (mẹ ruột anh V) nuôi dưỡng cháu Lê Văn Anh K trong thời gian anh đi làm ăn xa. Bà Phạm Thị D đã có văn bản về việc tình nguyện nuôi dưỡng cháu Lê Văn Anh K trong thời gian anh V chưa về nước.

Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

Cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[4] Về án phí: Anh Lê Tuấn V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tuấn V và chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Lê Văn Anh K, sinh ngày 18/11/2015 cho anh Lê Tuấn V nuôi dưỡng (bà Phạm Thị D thay anh V nuôi dưỡng cháu Lê Văn Anh K trong thời gian anh V đi vắng), chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không bị ai ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Lê Tuấn V theo biên lai số 0000229 ngày 14/6/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23/8/2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam